

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2021

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Đầu

2. Ông Nguyễn Phước Lộc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Văn Nh**, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Bà **Đông Thị B**, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2020 và bản tự khai ngày 12/3/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh trình bày như sau:*

Vào năm 1996 tôi và bà B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì thường xảy ra bất hòa cãi vã nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tôi và bà B đã không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà **Đông Thị B**.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 16/9/1996 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 06/4/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi cam kết không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn bà Đồng Thị B đã khai tại bản tự khai ngày 12/3/2021 như sau::*

Năm 1996, tôi và ông Nh chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2014 chúng tôi thường xảy ra bất hòa cãi vã, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và hiện đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi đồng ý ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 16/9/1996 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 06/4/2002. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Đồng Thị B nên quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “Xin ly hôn”.

Bị đơn bà Đồng Thị B có địa chỉ tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh và bị đơn bà Đồng Thị B đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Nh và bà B.

[3] Về nội dung vụ án:

Năm 1996, ông Nguyễn Văn Nh và bà Đồng Thị B chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cho đến nay thì vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Hiện hai người đã sống ly thân hơn một năm. Nay ông Nh yêu cầu được ly hôn thì bà B cũng đồng ý nhưng do hai người không có đăng ký kết hôn nên không có cơ sở để giải quyết cho ly hôn mà cần tuyên bố mối quan hệ giữa ông Nh với bà B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nh và bà B xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 16/9/1996 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 06/4/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Nh và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Ông Nh và bà B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

[4] Về án phí:

Ông Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đồng.

Bà B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 157, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Nh với bà Đồng Thị B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Nh và bà B xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 16/9/1996 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 06/4/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung:

Về tài sản chung: Ông Nh và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Ông Nh, bà B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đồng. Ông Nh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007896 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, ông Nh đã nộp xong.

Bà Đồng Thị B không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS Tp. Phú Quốc;
- THA Tp. Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trang